

Bài báo nghiên cứu

TÌNH YÊU, CHUNG SỐNG VÀ TỰ DO TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI: ĐỌC TIẾC THƯƠNG NHỮNG NGÀY ĐÃ MẤT CỦA LỖ TẤN

Nguyễn Minh Nhật Nam

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Minh Nhật Nam – Email: nhnam.ng@gmail.com

Ngày nhận bài: 05-3-2025; ngày nhận bài sửa: 24-3-2025; ngày duyệt đăng: 22-12-2025

TÓM TẮT

Tiếc thương những ngày đã mất của Lỗ Tấn trên bề mặt đường như kể một chuyện tình của hai trí thức Trung Quốc trẻ thập niên 1920. Bài viết này chỉ ra rằng tác phẩm chứa đựng một phản đề về tình yêu, chung sống và tự do trong xã hội Trung Quốc hậu Ngũ Tứ. Bằng phương pháp phân tích văn bản kết hợp góc nhìn xã hội và giới, bài viết tập trung phân tích nhân vật Tử Quân và Quyên Sinh để phát hiện các động lực có tính hệ thống chi phối hành động của họ, như trật tự gia trưởng, áp lực kinh tế đô thị và ảo tưởng tự do. Phân tích cho thấy bi kịch vỡ mộng, vong thân của họ nằm trong logic tất yếu của xã hội Trung Quốc bấy giờ. Bài viết cũng chứng minh Tiếc thương những ngày đã mất không đứng ngoài các chủ đề phê phán thế sự của Lỗ Tấn. Cuối cùng, bài viết đúc kết cách đọc các cấu trúc quyền lực kinh tế – xã hội và đạo đức tự sự trong truyện kể.

Từ khóa: Lỗ Tấn; đạo đức tự sự; Trung Quốc hậu Ngũ Tứ; Tiếc thương những ngày đã mất

1. Mở đầu

Trong ba tập truyện ngắn của Lỗ Tấn (1881-1936), *Tiếc thương những ngày đã mất* (TTNNĐM), tựa gốc là *Thương thệ* (傷逝), là một tác phẩm khá đặc biệt. So với các truyện nổi tiếng nhất của nhà văn họ Chu như *Nhật kí người điên* hay *Thuốc*, TTNNĐM dường như ít cảm hứng phê phán xã hội mà chỉ kể một chuyện tình lâm li của hai trí thức Trung Quốc trẻ những năm 1920 (đây cũng là truyện duy nhất Lỗ Tấn viết về tình yêu). Tử Quân và Quyên Sinh thuở tâm đầu ý hợp đã quyết định bỏ cuộc sống cũ, xây dựng gia đình riêng; nhưng khi về một nhà rồi, họ lại dần trở nên xa cách, tình yêu của Quyên Sinh khô cạn, Tử Quân bỏ đi rồi chết, để lại Quyên Sinh sống với lòng ân hận. Đáng chú ý là năm 1932, trong quá trình xuất bản cuốn *Tự tuyển tập*, Lỗ Tấn đã “hết sức gặt ra những tác phẩm đem lại cho người đọc một ‘cảm giác nặng nề’” (Lo, 1998, p.529), chỉ giữ 22 truyện, trong đó không có *Thuốc* lẫn *Nhật kí người điên* mà lại có TTNNĐM. Những điều trên đưa đến câu hỏi: Có nên xem TTNNĐM là truyện ngắn duy tình chủ nghĩa, hướng vào đời tư nhiều hơn các vấn đề xã

Cite this article as: Nguyen, M. N. N. (2026). Love, cohabitation, and freedom in modern society: A reading of Lu Xun's *Regret for the Past*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(1), 14-25. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4774\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4774(2026))

hội, không nặng trĩu niềm quan hoài thế sự thường thấy ở Lỗ Tấn? Bài viết này đọc lại truyện ngắn và chỉ ra đằng sau *romance* bi thương là phản đề về tình yêu, chung sống và tự do trong xã hội Trung Quốc giao thời. Khắc họa lí tưởng và đời sống thực tế của một đôi tình nhân, truyện cho thấy trí thức trẻ Trung Quốc mắc bẫy tự do, vỡ mộng về tình yêu tân thời và vong thân trong quá trình chung sống. Dù Lỗ Tấn “không muốn đem nỗi quạnh hiu mà mình cho là đau khổ làm lây sang những người thanh niên đang ôm ấp những mộng đẹp” (Lo, 1998, p.529), có lẽ do không nở làm họ nản lòng, *TTNNĐM* vẫn chứa một lời cảnh tỉnh cho họ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về cách đọc *Tiểu thương những ngày đã mất*

TTNNĐM đã được một số học giả ở Việt Nam quan tâm. Từ góc độ liên văn bản, Trần Lê Hoa Tranh đọc nó như một phản ứng của Lỗ Tấn trước sự cuồng nhiệt của thanh niên Trung Quốc thời hậu Ngũ Tứ đối với vở kịch *Ngôi nhà búp bê* của Henrik Ibsen, một tác giả có ảnh hưởng lớn ở Trung Quốc thời kì này. Trong bối cảnh Trung Quốc hùng hực vận động tân văn hóa để giải phóng con người, nhất là phụ nữ, vở kịch được tán dương rộng rãi vì nó “đánh đúng tâm lí, tư tưởng người Trung Quốc” (Tran, 2009a) bằng câu chuyện nữ chính Nora rời bỏ người chồng gia trưởng để tìm tự do. Trước thực tế giới trẻ đua nhau học theo tinh thần Nora, Lỗ Tấn có bài phát biểu *Nora đi rồi thì ra sao?* ở Bắc Kinh tháng 12/1923, bàn về con đường của Nora sau khi bỏ đi, điều mà Ibsen bỏ ngỏ. Lỗ Tấn cho rằng Nora và phụ nữ nói chung muốn thoát li gia đình thì phải độc lập về kinh tế với nam giới, bằng không kết cục của họ chỉ có hai: trụy lạc hoặc chết đói. Tiếp đó, tháng 10/1925, Lỗ Tấn viết xong *TTNNĐM* với nữ chính Tử Quân có điểm giống và khác với Nora. Ban đầu họ đều thỏa mãn với tình yêu và hôn nhân; sau khi biết đối phương không còn yêu hay trân trọng mình nữa, họ tỉnh ngộ và bỏ nhà đi. Song, trong khi Ibsen kết thúc vở kịch ở chỗ Nora ra khỏi nhà thì Lỗ Tấn tiết lộ với độc giả rằng Tử Quân đã chết sau khi ra đi, “‘tiếp bút’ cho chỗ ‘dừng bút’ của Ibsen” (Tran, 2009a). Mối bận tâm về giải phóng nữ giới đã tạo nên động lực sáng tác của Lỗ Tấn, do đó *TTNNĐM* có chủ đề và cảm hứng xã hội chứ không chỉ là truyện tình.

Xoáy vào Tử Quân như nhân vật thể hiện chủ đề truyện, Trần Lê Hoa Tranh phân tích lí do nhân vật này có kết thúc bi thảm. Một mặt, Tử Quân “gây ra bi kịch cho mình mà không hề ý thức được”, bởi lí tưởng chung sống với người yêu bất chấp định kiến của nàng “thiếu phương hướng cụ thể” và nàng “không còn dũng khí và lòng quyết tâm để theo đuổi đến cùng” (Tran, 2009a). Một nguyên nhân nội tại nữa là do nàng ở lâu trong “cuộc sống yên ả, bình lặng, tình yêu ulla”, nên đã “tụt hậu, đi sau Quyên Sinh” (Tran, 2009a). Mặt khác, Tử Quân chịu áp lực từ một xã hội Trung Quốc còn cổ hủ, không dung phụ nữ muốn tự do vươn lên, luôn muốn đưa họ về nếp cũ, nên khi rời bỏ Quyên Sinh, nàng chỉ còn cách ngậm tui nhục trở về với thân quyến, chết dần trong sự ghét bỏ của họ. Trần Lê Hoa Tranh (2009b) xem Tử Quân và các nhân vật nữ chính khác của Lỗ Tấn là kiểu phụ nữ “đường như không làm chủ được cuộc đời mình mà như những con tốt trong một xã hội đầy phong ba”.

Song, nếu nói Tử Quân chết do bản thân nàng và hoàn cảnh xã hội, vì sao Quyên Sinh lại tỏ “lòng hối hận, nỗi đau thương” (Lo, 2001, p.373) khi kể lại? Cần chú ý rằng người kể chuyện trong *TTNNĐM* không đứng bên ngoài quan sát câu chuyện mà chính là Quyên Sinh với ngôi kể thứ nhất và giọng kể hướng nội, day dứt. Lỗ Tấn nhắc nhở người đọc điều này. Dòng chữ “bút kí của Quyên Sinh” dưới tựa truyện “khiến người đọc ‘nhìn’ độc thoại của Quyên Sinh bằng cái nhìn bên ngoài khách quan, gây sự hoài nghi của người đọc đối với nhân vật người kể chuyện xưng ‘tôi’ ấy” (Nguyen, 2011, p.49). Khi xưng “tôi” để kể, Quyên Sinh cũng tự phơi bày, tự ý thức mình không vô can trong câu chuyện mình kể và tự thú mình không vô tội trước cái chết của Tử Quân. Anh tự thể hiện mình thay đổi “từ một người đầy nhiệt huyết và tình thương yêu [...] thành kẻ nhẫn tâm, ích kỉ [...] quay sang quy kết, buộc tội vợ, coi vợ là gánh nặng của đời mình” (Nguyen, 2011, p.48). Để tìm lối thoát cho mình khỏi cuộc sống chung, anh nói thật với Tử Quân rằng anh hết yêu nàng, mặc cho sự thật ấy khiến nàng tuyệt vọng. Anh cho rằng nàng không còn đồng điệu với anh như xưa, dù chính anh góp phần để tình yêu nguội lạnh. Lời kể của anh có “hai tiếng nói khác nhau, mâu thuẫn nhau, nhưng thống nhất với nhau: lời thành khẩn cáo buộc và lời ngụy biện thoái thác” (Nguyen, 2011, p.49). Đường giải thoát của Quyên Sinh đánh đổi bằng cái chết của Tử Quân khiến anh dẫn vật từ đầu đến cuối truyện; song anh cũng đổ lỗi cho xã hội cổ hủ và Tử Quân. Phân tích của Nguyễn Thị Mai Chanh gọi lên một điểm quan trọng mà chúng tôi phát triển thành cơ sở để đọc lại *TTNNĐM*, đó là Tử Quân được trình hiện trong diễn ngôn tự sự của Quyên Sinh. Ai kể về ai là vấn đề đạo đức tự sự (narrative ethics)²; nam giới kể về nữ giới càng là vấn đề đó. Nếu đọc nhân vật Tử Quân mà bỏ qua sự hiện diện của người kể hoặc coi lời kể là trong suốt hay trung tính, ta vô hình trung đồng nhất Tử Quân với chân dung của nàng qua lời kể của Quyên Sinh. Thay vì mặc nhiên tin vào lời kể, ta phải xem cách nàng được kể có công bằng không hay đã bị góc nhìn nam quyền chi phối.

Tập trung vào sự không vô can của Quyên Sinh, cách đọc của Nguyễn Thị Mai Chanh bổ sung cho góc nhìn của Trần Lê Hoa Tranh về nguồn cơn bi kịch trong truyện. Song, liệu các nhân vật có hoàn toàn hành động tự chủ để ta có thể xét ai là thủ phạm? Liệu xã hội có phải chỉ là nguyên nhân phụ? Chúng tôi đưa ra thêm một cách đọc khác về *TTNNĐM*, không đi tìm nhân vật nào có lỗi hay kết luận “lỗi này đâu phải tại riêng ai” (Nguyen, 2011, p.51), cũng không xem hoàn cảnh là nhân tố phụ. Thay vào đó, chúng tôi tập trung tìm các động lực xã hội có tính hệ thống khiến các nhân vật hành động như thể họ tự do, tự chủ và tự chịu

² Trong nghiên cứu văn học và văn hóa, đạo đức tự sự là phạm trù bao hàm cách diễn ngôn tự sự được kiến tạo, ai có quyền kể, ai được/bị kể ra sao, phẩm chất và trách nhiệm của người kể và người tiếp nhận, cũng như những hệ quả nhận thức lẫn xã hội mà văn bản tự sự mang lại. Ở đây, câu hỏi *Ai kể về ai cho ai?* quan trọng vì nó phản ánh cách mà quyền phát ngôn, khả năng tri nhận và trách nhiệm xã hội được phân bổ cho các chủ thể trong văn bản và trong thực tiễn tiếp nhận. Booth (1988) cho rằng tự sự có thể phục vụ hoặc phá hủy những lẽ thiện của cá nhân hoặc xã hội. Lanser (1992) xem giọng kể như một chiến lược và phương tiện đạt được quyền lực xã hội, đặc biệt khi các tác giả nữ thử nghiệm giọng kể cộng đồng hoặc cá nhân để thách thức quy chuẩn tự sự nam quyền. Với Newton (1997), mọi hành động kể đều kéo theo trách nhiệm đạo đức với người được kể và xã hội, mở ra khả năng chất vấn tính công bằng và chính danh của sự kể.

toàn bộ trách nhiệm; tìm những trật tự điều hướng tư tưởng và thực hành của họ, từ giao tiếp đến yêu, lao động và chung sống. Một phân tích như thế dựa trên các câu hỏi: Tình yêu của Quyên Sinh dựa trên các cơ sở ý thức nào? Điều kiện chung sống chi phối Tử Quân và Quyên Sinh ra sao? Trong cái nhìn của Quyên Sinh, Tử Quân từ khi chung sống đã thay đổi, khiến mối quan hệ của cả hai trượt dài về phía tan vỡ; song sự thay đổi ấy có phải do bản thân nàng hay do hoàn cảnh và vai trò giới của nàng khi chung sống? Quyên Sinh tin vào tự do cá nhân và khả năng tự lực đổi đời, niềm tin mà anh không thấy ở Tử Quân khi cả hai gặp khó khăn; song điều anh tin có thực không hay chỉ là một ảo vọng?

Sử dụng phương pháp phân tích văn bản kết hợp góc nhìn lịch sử – xã hội và giới để trả lời các câu hỏi trên, chúng tôi cố gắng làm rõ trong *TTNNDM* một phản đề được đặt ra về tình yêu, chung sống và tự do trong xã hội Trung Quốc hậu Ngũ Tứ. Phản đề này cho thấy cảm hứng hoài nghi và cảnh tỉnh của Lỗ Tấn về con đường thanh niên trí thức Trung Quốc đang theo đuổi, như cách ông đã đặt câu hỏi “Nora đi rồi thì ra sao?”. Liệu lớp người ấy, đầy niềm tin vào thời đại và cuộc đời mới, đã được hạnh phúc chưa, hay còn quấy đạp trong vũng lầy hiện thực và nhìn giấc mơ của mình vỡ vụn từng chút? Cả khi tỉnh mộng rồi, liệu họ có đủ khả năng thoát khỏi vũng lầy đó?

2.2. Tiếc thương những ngày đã mất như một phản đề xã hội

2.2.1. Một romance giữa lòng Trung Quốc hậu Ngũ Tứ

Mọi diễn biến trong truyện bắt đầu từ việc Tử Quân và Quyên Sinh đến với nhau như một đôi ý hợp tâm đầu; kết thúc buồn cũng một phần bắt nguồn từ bản chất tình yêu của họ. Quyên Sinh trước hết yêu Tử Quân như một người lấp đầy đời sống tẻ nhạt của anh ở hội quán tồi tàn. Tử Quân giống như cơn gió phương xa thổi đến xua đi nỗi đơn độc của anh trong gian phòng, “nhờ nàng mà thoát ra khỏi nơi buồn bã, trống trải” (Lo, 2001, p.373). Tình yêu của Quyên Sinh đối với nàng còn được củng cố bởi ý chí “giáo hóa” phụ nữ. Tiếp thu thành công hệ giá trị tân thời, anh xem mình là trí thức mới điển hình còn Tử Quân thì “ngây thơ”, “tò mò” trước tư tưởng mới dẫu “chưa thoát khỏi ràng buộc của tư tưởng cũ”, là đối tượng phù hợp để anh dùng tiếng nói nam giới để dạy cho nàng về “cảnh gia đình chuyên chế”, “việc phá bỏ tục lệ cũ”, “nam nữ bình đẳng” (Lo, 2001, p.375). Sau nửa năm, Tử Quân biết tuyên bố về quyền làm chủ cơ thể và số phận: “Người em là của em, không ai có quyền can thiệp vào đời em cả” (Lo, 2001, p.375). Điều này làm Quyên Sinh “rung động” và “vui mừng không sao kể xiết”, khen nàng không “nan hóa” (khó dạy) (Lo, 2001, p.376), hài lòng khi đào tạo ra một người phụ nữ tân văn hóa. Với anh, nàng là trò giỏi, “thuộc lòng, có thể nhắc lại được một cách trơn tru” lời anh nói (Lo, 2001, p.377). Từ chỗ hài lòng, Quyên Sinh ngày càng mê đắm thái độ kiêu hãnh, mạnh mẽ và bất chấp dư luận của Tử Quân. Cùng đi ngoài đường, trong khi anh co rúm trước “những con mắt tò mò, chế nhạo, đếu cáng, khinh bỉ” thì nàng đầy dũng khí, “khoan thai, bình tĩnh bước đi, thản nhiên” (Lo, 2001, pp.378-79). Trong mắt anh, nàng tỏa hào quang thời đại như một thần tượng về cá tính thách thức định kiến cũ. Tình yêu của anh bao hàm sự chiêm lăm thần tượng này. Như vậy, trong cái

nhìn của Quyên Sinh, Tử Quân là *kẻ khác* mà anh ham muốn, nên anh có nhiều kì vọng về nàng. Là đối tượng làm cuộc đời anh có nghĩa, nàng không được biến mất; là đối tượng để anh dạy bảo, nàng phải hiểu và sống theo tư tưởng anh truyền đạt; là thần tượng của anh, nàng phải có dũng khí và tinh thần sống độc lập, tự chủ, vươn lên mà anh tôn vinh. Những kì vọng này cũng có nghĩa: nếu nàng thay đổi hoặc biến mất, Quyên Sinh sẽ thất vọng, tình yêu của anh, do được xây dựng trên ham muốn tinh thần đó, sẽ sụp đổ và đời sống của anh sẽ trôi về phía mất mát bất khả phục hồi. Song, Tử Quân mà Quyên Sinh yêu chỉ là Tử Quân của một đoạn đời. Nàng khó tránh bị quăng đời phía trước xô đẩy đến chỗ thay đổi.

Tình yêu của Quyên Sinh còn là một tình yêu chịu ảnh hưởng từ tư tưởng phương Tây du nhập mạnh mẽ vào Trung Quốc hậu Ngũ Tứ, trước hết là dấu ấn của chủ nghĩa cá nhân mà thanh niên Trung Quốc thực hành: phủ định sự sắp đặt ràng buộc, thoát li tư tưởng cũ, đề cao quyền tự do lựa chọn và lối sống độc lập. Tình yêu của Quyên Sinh cũng đi theo khuôn mẫu ái tình lãng mạn kiểu phương Tây. Ở một chi tiết, Quyên Sinh nhớ lại cách anh tỏ tình với Tử Quân theo nghi thức cầu hôn trong phim ảnh phương Tây thịnh hành lúc bấy giờ: “trong lúc hoảng hốt, không tự chủ được, tôi đã bắt chước cái trò thường thấy trên màn ảnh, [...] mắt nhắm lại, cầm lấy tay nàng, quỳ xuống” (Lo, 2001, p.377). Anh nhất quán trong quan niệm lãng mạn về tình yêu: một tình yêu “trong trắng”, “nồng nàn” và “tha thiết” (Lo, 2001, p.376), “phải được đổi mới, lớn dần lên và phải sáng tạo” (Lo, 2001, p.380), khiến người ta “dũng cảm được, bất chấp được tất cả” (Lo, 2001, p.397). Quyên Sinh nghĩ Tử Quân cũng yêu anh theo cách ấy. Qua những phát ngôn của Tử Quân và việc nàng gắn gửi Quyên Sinh, có thể thấy nàng cũng nội hóa lí tưởng trên.

2.2.2. *Chung sống trong trật tự gia trưởng và vong thân trong đô thị tư bản*

Hình ảnh Quyên Sinh và Tử Quân đại diện cho đông đảo nam nữ trí thức Trung Quốc thập niên 20 sôi nổi đi theo xu hướng tự do luyến ái, vứt bỏ lễ giáo cũ. Không chỉ thế, họ còn chọn chung sống không hôn nhân giá thú ràng buộc, tách khỏi thân quyến và xóm giềng. Việc lập thất với họ không phải do cha mẹ sắp đặt mà phải do họ tạo dựng. Quyên Sinh trong truyện cũng muốn “dọn ra khỏi cái gian phòng đồ nát” ở khu nhà tập thể “để xây dựng một cảnh gia đình nho nhỏ, chứa chan hi vọng” cùng Tử Quân (Lo, 2001, p.373). Ngày đi tìm nhà thuê, Quyên Sinh phôi phới trước tương lai mà anh và Tử Quân sẽ cùng xây: “những phần khác trong người tôi cùng với cả thân thể tôi lại tít tít lên” (Lo, 2001, p.378). Song, niềm vui đó chóng qua, bởi từ khi họ tìm nơi lập thất, tình yêu và lí tưởng sống của họ liên tục va chạm với hoàn cảnh vật chất và ý thức ngoài xã hội lẫn trong gia đình riêng. Lỗ Tấn đã vén màn sự thật về việc sống tự lập ở đô thị đương thời, rằng nó chưa chắc êm ả như thanh niên tưởng tượng, chưa chắc dung dưỡng tình yêu tự do lãng mạn mà họ ôm ấp.

Tử Quân và Quyên Sinh gặp phải rào cản thực tế đầu tiên khi nhận ra họ không đủ tiền để tìm căn nhà như ý mình ở đô thị Bắc Kinh, nên đành chấp nhận thương thỏa với các chủ nhà, mà thương thỏa đồng nghĩa với đánh đổi những kì vọng, buộc phải chấp nhận lựa chọn “tạm tạm” (Lo, 2001, p.379). Dọn được đến Cát Triệu, họ lại không đủ tiền sửa chữa khiến

Tử Quân phải bán của cải phòng thân. Vào đông, họ phải chạt vật trên bờ vực thiếu nhu yếu phẩm, từ thức ăn đến lò sưởi, phải bỏ con chó đang nuôi. Những chi tiết trên phản ánh tình thế thị dân Trung Quốc thập niên 1920 khi nền kinh tế tư bản ngày một phát triển ở đô thị. Trong xã hội tư bản, cá nhân nào thiếu cơ sở kinh tế vững chãi luôn lâm vào cảnh bấp bênh, vốn tích lũy của họ đứng trước nguy cơ cạn kiệt, sinh tồn của họ bị đe dọa. Đánh đổi lớn nhất của cặp đôi khi về ở với nhau là phải đoạn tuyệt với thân tộc và bạn bè không ủng hộ họ. Tử Quân cãi vã với chú ruột phản đối nàng tự lập thất và bị ông từ mặt; Quyên Sinh cắt đứt giao tình với bằng hữu can ngăn anh. Muốn sống theo ý mình, họ đành phải thoát li các quan hệ thân tộc và xã hội, từ bỏ những địa chỉ có thể nương tựa trong cuộc sống. Sau khi Quyên Sinh thất nghiệp, sinh kế lung lay, anh phải dựa vào các mối giao tế để tìm việc, mà rốt cục “bao nhiêu lời nhờ cậy, bao nhiêu thư đi từ về đều không có hiệu quả gì cả” (Lo, 2001, p.387). Bấy giờ, anh cảm nhận sâu sắc gánh nặng hiện sinh của anh và Tử Quân khi tự lập thất, thấy cả hai “khác nào con chuồn chuồn rơi vào tay đứa bé ác nghịch” rồi bị “đùa bỡn, hành hạ đủ cách” đến ngáp nghe cái chết (Lo, 2001, p.394). Họ thấy xa lạ với sự tồn tại của mình khi phải sống một cuộc đời hoàn toàn trái với mong ước gia thất yên ổn mà không cách nào xoay sở cho cuộc đời ấy đáng sống hơn. Đó là một kiểu vong thân. Khi cặp đôi bị ném vào cuộc tồn sinh chạt vật, họ không đủ thời gian và tâm sức vun bồi tình yêu của mình, như Quyên Sinh đã nói, “có sống thì tình yêu mới có chỗ dựa” (Lo, 2001, p.389).

Tình yêu và ước mơ hạnh phúc của Tử Quân và Quyên Sinh còn bị thách thức bởi cấu trúc của quan hệ chung sống. Khi chung sống như gia đình, tất yếu họ phải xác định cấu trúc gia đình, nhưng thay vì thiết lập một cấu trúc mới trong đó vai trò của cả hai khác với truyền thống, họ quay về trung dụng cấu trúc gia đình cũ tuân theo trật tự giới nam quyền, với vai trò chồng và vợ. Trật tự này xung đột với tư tưởng nam nữ bình đẳng mà họ coi trọng, song cả hai đều không ý thức được sự hiện diện của nó. 1) Về *phân công lao động*, Quyên Sinh làm trụ cột kinh tế, một tuần sáu ngày đến công sở làm việc kiếm tiền; Tử Quân làm nội trợ, bận bịu cơm nước và nuôi gà, chó. Phân công lao động này khiến mỗi người chìm vào một thứ lao động riêng “đến nỗi thì giờ nói chuyện gẫu với nhau cũng không có nữa, nói gì đến thì giờ đọc sách và đi chơi” (Lo, 2001, p.381), trong khi hàn huyên, đọc sách, đi chơi là những cách duy trì và nuôi dưỡng kiểu tình yêu tân thời của họ, ở đó sự giao tiếp và hòa hợp tư tưởng là tối quan trọng. Hơn nữa, việc nội trợ giam Tử Quân trong căn nhà chật hẹp, nên nàng không thể chủ động ra ngoài mưu sống mà phải dựa hết vào Quyên Sinh, trái với kì vọng của anh về nàng như là người phụ nữ độc lập. Đó là một lí do dẫn đến sự thất vọng của anh đối với nàng về sau. 2) Về *quan hệ quyền lực*, Quyên Sinh nắm quyền trong nhà từ việc cơm nước của Tử Quân đến đàn gà và con chó. Quan trọng nhất là anh có nhiều quyền nói, bởi nói là phương thức thực hành ý chí “giáo hóa” phụ nữ của anh; còn Tử Quân chỉ nghe, gật đầu và hiểu. 3) Về *quan hệ tình cảm*, Quyên Sinh hài lòng khi Tử Quân thỏa mãn kì vọng của anh, đó là nàng phải giữ nguyên dáng vẻ dững dưng, tự chủ như lúc anh mới yêu nàng. *Quan hệ quyền lực* và *quan hệ tình cảm* giữa hai người có liên hệ mật thiết, cái này được

thỏa mãn thì cái kia cũng được. Ban đầu, khi đời sống tạm ổn, Quyên Sinh vui vẻ, thấy cuộc sống mới “êm ả và hạnh phúc” (Lo, 2001, p.381) vì anh được thỏa mãn về quyền lực và tình cảm. Anh nói “tình yêu phải được đổi mới” (Lo, 2001, p.380) và Tử Quân nghe theo, đồng thuận. Anh hài lòng khi trò chuyện cởi mở với nàng đến mức cảm thấy “hiểu thấu nàng cả về linh hồn và thể xác” (Lo, 2001, p.380), ấy là sự hài lòng khi chủ thể cảm nhận được sự chiếm lĩnh hoàn toàn đối tượng ham muốn của mình. Song, càng tương tận về đối tượng ham muốn, chủ thể càng mất đi động lực ham muốn, nên tình yêu của Quyên Sinh về sau nhạt đi. Ngoài ra, trong lúc chung sống, tiếp xúc nhiều với nhau, Quyên Sinh nhận ra những “cách bức thực sự” giữa cả hai mà “trước kia tưởng không có” (Lo, 2001, p.380). Họ hoàn toàn không tìm ra chúng khi tạo dựng tình yêu, nên khi sống chung, chúng bộc lộ ra, làm lung lay thứ tình yêu vốn đặt cơ sở ở sự hợp nhau về tư tưởng. Lỗ Tấn cho thấy tình yêu theo cơn gió thời đại dễ sa sút, tổn thương ra sao trong không gian thành thị tư bản. Sự hiểu thấu và cách bức với Tử Quân khiến Quyên Sinh mất dần ý chí nuôi dưỡng tình yêu với nàng, thay vào là sự quan sát và phán xét nàng từ địa vị gia trưởng, bồi thêm nỗi thất vọng của anh.

Mâu thuẫn trong truyện nảy sinh khi Quyên Sinh thất nghiệp. Đời sống kham khổ và mất mát nhiều hơn về vật chất lẫn cảm xúc khiến Tử Quân ngày càng vong thân, còn Quyên Sinh ngày càng thất vọng với nàng, đĩnh ninh nàng tự thay đổi. Ở đây có ba câu hỏi cần trả lời để nhìn nhận Tử Quân công bằng hơn và chất vấn lại lời kể của Quyên Sinh.

1) *Nàng không đối xử chu đáo với Quyên Sinh, hay anh đã nhìn thiếu cảm thông về nàng?* Tất bật việc nhà và chạy tiền, Tử Quân không còn tâm trí chú tâm đến những chi tiết làm hài lòng Quyên Sinh nữa. Bằng cái nhìn gia trưởng, anh chỉ thấy nàng không tròn vai nội trợ, từ việc bát đĩa bữa bãi đến không nhớ giờ giấc ăn uống khiến anh “không thể nào an tâm mà làm việc được” (Lo, 2001, p.385). Thả gà nuôi chó là tập quán của phụ nữ Trung Quốc. Trở thành người nội trợ truyền thống, Tử Quân gắn liền với đàn gà và con Tù, để chúng óm đói hoặc mất đi nghĩa là việc nội trợ của nàng thất bại và bản thân nàng cũng bị mất mát về mặt cảm xúc vì đã gắn bó lâu với những con vật ấy. Không ở vị trí của nàng, Quyên Sinh quy kết nàng mãi lo những thứ tụn mụn ấy mà tự mình tiêu tụy, bỏ bê anh và lãnh cảm với anh. Anh phán xét nàng “sao mà dễ thay đổi đến thế” (Lo, 2001, p.387).

2) *Nàng không còn hiểu tư tưởng của Quyên Sinh do nàng “càng ngày càng nông nổi, hời hợt” (Lo, 2001, p.388), hay nàng bị anh đàn áp bằng lời nói?* Đời sống tù đọng theo trật tự giới và sự bất mãn của Quyên Sinh khiến cảm xúc Tử Quân ngày một u sầu, trì lặng. Nàng phải lắng nghe anh dạy dỗ trong trạng thái oán trách, không khác gì tra tấn tinh thần. Quyên Sinh càng nói, nàng càng im lặng gặt đầu cho tròn bổn phận phụ xướng phụ tùy, lại càng khiến anh không thỏa ý chí “giáo hóa”, thất vọng nhiều hơn về nàng.

3) *Nàng đánh mất cá tính ngày xưa và trở nên thụ động, dựa dẫm Quyên Sinh, hay do Quyên Sinh chỉ muốn nàng giữ hình tượng ấy mà thiếu quan tâm cảnh ngộ của nàng?* Dũng cảm, mạnh mẽ, quả quyết là những cá tính Quyên Sinh coi trọng vì chúng làm nên con người tân thời. Nhưng anh không hiểu áp lực từ đời sống đô thị và sự thất nghiệp của anh khiến Tử

Quân khiếp nhược đi, luôn lo sợ khi bấp bênh giữa sống và chết. Anh suy nghĩ duy ý chí rằng thất nghiệp là “một việc con con như thế mà lại có thể làm cho một người kiên quyết, cam đảm như Tử Quân thay đổi hẳn đi” (Lo, 2001, p.384). Nàng không chọn thụ động trong chung sống, mà trật tự giới gia trưởng đã quy định nàng trong vị trí phải “cầm vạt áo” của đàn ông mà không thể “một mình can đảm tiến lên” (Lo, 2001, p.391). Tất cả những sự thất vọng trên đã làm cạn tình yêu của Quyên Sinh. Anh nói với nàng toàn bộ sự thật phũ phàng “anh không yêu em nữa” (Lo, 2001, p.393), khiến nàng bỏ đi rồi chết thật.

Đến đây, có thể thấy rõ vì sao Quyên Sinh và Tử Quân yêu nhau mà không thể chung sống hạnh phúc. Thứ nhất, kiểu tình yêu vì hợp tư tưởng của họ không xuất phát từ nhu cầu chăm sóc nhau, không thể nuôi dưỡng sinh thể người. Đặt tình yêu ấy vào cấu trúc gia đình gia trưởng, người bị buộc cho đi mà không nhận lại sự chăm sóc chính là Tử Quân. Điều này thể hiện rõ qua quá trình cơ thể nàng mất dần sinh khí và biến mất (chết). Thuở mới yêu, cơ thể nàng mỹ miều với “khuôn mặt tròn trĩnh, nước da hơi xanh, với hai má lúm đồng tiền [...] đôi tay trắng và gầy” (Lo, 2001, p.374). Khi về ngõ Cát Triệu, nàng mất dần xuân sắc, tiêu tụy, hiu hắt đi. Một khi bước vào không gian nội trợ trong gia đình, cơ thể nàng đã mất đi quyền tự chủ và sinh khí trước đó, nhận lấy lao động nội trợ bắt buộc và sự tàn phai thể chất. Nó bị bao vây bởi những thực hành ràng buộc khiến nó không có cơ hội chăm chút chính nó. Nó cũng không nhận được sự chăm chút nào từ Quyên Sinh để có thêm sức sống. Định điểm, anh “nghĩ nàng có thể chết đi cho rảnh” (Lo, 2001, p.391).

Thứ hai, đặt vào thực tế xã hội bấy giờ, tình yêu của Tử Quân và Quyên Sinh không được cộng đồng bao dung, dẫn đến cái chết của Tử Quân. Khi thất bại trong tình yêu, nàng tìm về thân tộc để tìm một điểm tựa bầu vú, nhưng vì đã đặt cược thân tộc, khi mất tình yêu, nàng cũng không còn một gia đình để nương tựa vì họ đã chối bỏ, ghẻ lạnh nàng. Nàng chết không lí do vì không ai nỗ lực tìm hiểu vì sao nàng chết, để nàng biến mất vào hư vô. Quyên Sinh nghĩ: “Số phận nàng đã định cho nàng phải chết trong cái cõi người không có tình yêu” (Lo, 2001, p.399). Nhưng cái chết đó không phải mệnh số, mà là kết quả của việc xã hội hiện đại bỏ mặc, khước từ, không thương lấy một người thất bại trong tình yêu và cuộc sống. Người duy nhất tiếc thương nàng là một Quyên Sinh ân hận. Đây là một ý phản biện chua xót của tác phẩm về logic vận hành của xã hội Trung Quốc ngày ấy.

2.2.3. Áo vạt tự do như là bi kịch của trí thức tân thời

Tử Quân chết, Quyên Sinh sống một mình với những suy tính về tương lai, song bản thân anh cũng không tìm được hạnh phúc. Nhân vật này thể hiện một phản đề sâu sắc về tự do trong xã hội Trung Quốc giao thời. Là một trí thức khao khát cuộc sống mới, Quyên Sinh nghe theo tiếng gọi tự do của thời đại, quyết tâm tự lập, đổi đời ở thành thị nhưng lại không nghĩ đến áp lực kinh tế do xã hội tư bản đặt lên đôi vai những người không tiềm lực kinh tế. Chịu đau khổ giày vò, anh quy kết Tử Quân chỉ biết nội trợ, không tự mưu sinh, tự quy kết mình không dũng cảm đi tới cùng. Sau khi Tử Quân bỏ đi, anh cô độc, chỉ biết tự nhủ mình vẫn còn ý chí tự lực, vẫn “chưa quen sử dụng đôi cánh của mình” (Lo, 2001, p.384) để tự do

bay nhảy – đó chỉ là một phép “thăng lợi tinh thần”. Rồi anh mơ tưởng đến “cuộc đời với cái bộ mặt mới mẻ”, “núi thẳm biển lớn, nhà rộng lầu cao, chiến trường, xe ô-tô, giao dịch, biệt thự, thành phố náo nhiệt, sáng trưng, đêm tối mịt mùng” (Lo, 2001, p.394).

Mãi đến khi anh nhận ra mình phải rời ngõ Cát Triệu trở về hội quán mới có thể sống tiếp, anh mới vỡ mộng rằng con đường sống mới của anh là một con đường “mất hút” trong bóng tối của “cái đêm đầu xuân dài dằng dặc” mà không biết bao giờ anh mới có cơ hội đi bước đầu tiên (Lo, 2001, p.401). Anh trở về cảnh sống ban đầu nhưng lại chịu mất mát lớn; tình yêu, hi vọng và động lực sống của anh tan thành hư không: “Vẫn cái gian phòng đồ nát ấy, cái tấm phản ấy, góc hộc gần chết khô ấy, cây tử đằng ấy, nhưng cái làm cho tôi hi vọng, sung sướng yêu đương và sống được lúc bấy giờ nay không còn nữa” (Lo, 2001, p.400). Anh chấp nhận sự thật và tỉnh ngộ rằng anh không hề có tự do như anh nghĩ. Song tình ngộ không đồng nghĩa với được giải thoát; sống ở hội quán hay ngõ Cát Triệu chỉ là vào ra những chiếc lồng khác nhau mà thành phố Bắc Kinh bấy giờ là chiếc lồng lớn hơn. Chừng nào anh còn thiếu cơ sở kinh tế và những hỗ trợ từ xã hội, chừng đó tự do vẫn cứ là ảo ảnh; anh không tự quyết định được cuộc sống của mình mà phải khuất phục trước hiện thực.

2.2.4. Một phần đề của Lỗ Tấn

Phân tích trên đây đưa đến kết luận: chủ đề của *TTNNĐM* là những sự thật trần trụi về tình yêu, chung sống và tự do mang tính chất vấn góc nhìn của đông đảo trí thức trong xã hội Trung Quốc những năm 1920, chịu ảnh hưởng từ chủ nghĩa tự do, cá nhân và lãng mạn du nhập từ phương Tây. Thực chất, có thể đọc được mối liên hệ giữa chủ đề này và bối cảnh sáng tác của tác phẩm. *TTNNĐM* nằm trong tập *Bàng hoàng* của Lỗ Tấn, một tập truyện ngắn chủ yếu viết về tầng lớp trí thức Trung Quốc, chính vì những sự kiện chính trị – xã hội liên quan đến giới trí thức của đất nước này sau Ngũ Tứ vận động. Từ sau cuộc vận động này, nội bộ ban biên tập tờ *Tân thanh niên*, một tờ báo mà Lỗ Tấn ủng hộ, đã chia rẽ sâu sắc vì mâu thuẫn chính trị giữa Hồ Thích (ủng hộ cải cách dân chủ tư sản) với Trần Độc Tú và Lý Đại Chiêu (ủng hộ cách mạng vô sản). Đầu thập niên 1920, Hồ Thích rút khỏi *Tân thanh niên*. Năm 1926, tờ báo giải thể. Trước tình hình “các đồng bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa đến thế”, Lỗ Tấn cảm thấy “lùi thui một mình” trên con đường chấn hưng văn hóa, bởi giới trí thức đã ngã sang đường tranh đấu chính trị, nên sự “gào thét” của ông về quốc dân tính đã vơi đi ít nhiều (Lo, 1998, p.528). Từ 1924 đến 1925, ông viết các truyện trong *Bàng hoàng*, chuyển sự chú ý vào trí thức buổi giao thời, suy tư nhiều về cảnh sống của họ, con đường họ đi và lí tưởng họ mang. Giai đoạn này, ông đã có một độ lùi thời gian so với lúc phong trào Tân văn hóa và Ngũ Tứ diễn ra, do đó ông có sự đánh giá mang tính phản biện hơn về xã hội và giới trí thức tân thời. Điều này thể hiện rõ ở sự hoài nghi trong *Nora đi rồi thì ra sao?* và *TTNNĐM*. Lỗ Tấn hoài nghi về tác động của các xu hướng tân thời lên những trí thức trẻ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cả nữ giới lẫn nam giới. Tình yêu tự do bất chấp tất cả hay tư tưởng vượt thoát cuộc sống cũ có thể là tiếng gọi dẫn dụ họ vào cái bẫy chí tử, bởi *TTNNĐM* cho thấy ở đô thị, sự vật lộn, tha hoá và cái chết của trí

thức thiếu nguồn lực kinh tế càng khó tránh khỏi hơn. Lỗ Tấn chất vấn: Liệu cải cách xã hội mà không giải quyết nan đề kinh tế cho con người thì có phải cải cách triệt để không? Hơn nữa, trong xã hội giao thời đó, trật tự cũ chưa mất đi, chế độ gia trưởng vẫn còn thì những phụ nữ như Tử Quân, dẫu có quyền kinh tế đi nữa, có chắc sẽ tìm được hạnh phúc và không vong thân khi chung sống với nam giới? Phản biện như thế, song Lỗ Tấn chưa tìm ra lối thoát thật sự cho những người như Tử Quân và Quyên Sinh khỏi nỗi bất hạnh khi bị hiện thực quật ngã, bởi cần có một cuộc cách mạng triệt để về cấu trúc xã hội. Ở điểm này, Lỗ Tấn giống Quyên Sinh trong truyện, không biết bước thứ nhất để thoát khỏi hiện trạng xã hội đương thời là gì. Thực ra, ông là nhà văn hơn là nhà chính trị, chỉ có thể bộc lộ trần trụi và cất lên tiếng nói cảnh tỉnh về hiện trạng ấy. Giọng văn của ông do đó không “gào thét” mà u sầu, bi thương. Đó là sự tiếc thương của Quyên Sinh dành cho Tử Quân, của Lỗ Tấn dành cho hai nhân vật, của trí thức dành cho trí thức.

Những phản đề xã hội trong *TTNNĐM* đã vượt khỏi giới hạn bối cảnh sáng tác và có thể gợi ý cho độc giả Việt Nam một cái nhìn phê phán về xã hội Việt Nam hiện nay. Sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản tân tự do, nhờ toàn cầu hóa và truyền thông, vào một Việt Nam hậu Đổi mới đã sinh ra những lí tưởng về tự do cá nhân và tự lực cánh sinh đưa chủ thể đến thành tựu vật chất và địa vị xã hội. Ngày nay các lí tưởng này là kim chỉ nam trong cuộc sống của một phần đông giới trẻ Việt Nam. Song, chúng đề cao cá nhân mà ít tính đến những đặc quyền của một số nhóm người lẫn những bất bình đẳng có tính hệ thống về mặt kinh tế – xã hội đối với các nhóm khác. Trong khi nhóm thanh niên có tiềm lực tài chính ở đô thị đạt được thành tựu vật chất và ca ngợi bản thân, nhiều cá nhân không có đặc quyền dù nỗ lực hết sức vẫn cứ vật lộn hằng ngày với thực tế khắc nghiệt, bị bào mòn trong lao động tìm sinh kế, đi đến tha hóa, vỡ mộng và không còn tìm thấy ý nghĩa đời sống. Trước hiện trạng ấy, góc nhìn phản biện của Lỗ Tấn trong *TTNNĐM* vẫn có ý nghĩa sâu sắc với độc giả Việt Nam để ta nhìn lại hiện tại và nghĩ về những hướng cải tạo xã hội để mang lại hạnh phúc cho các thế hệ thanh niên hôm nay và mai sau.

2.2.5. Cấu trúc quyền lực kinh tế – xã hội và đạo đức tự sự trong truyện kể

Cách đọc *TTNNĐM* trong bài viết này đưa lại một số gợi ý về mặt phương pháp luận đối với công việc phê bình tự sự. *Thứ nhất*, nó nhấn mạnh diễn ngôn của người kể chuyện không bao giờ trung tính. Thay vì mặc định lời kể là sự thật được kể, nhà phê bình cần truy vấn: người kể có vị thế quyền lực ra sao, lời kể ấy che giấu hay phô bày điều gì, ảnh hưởng thế nào đến hình dung của độc giả về các nhân vật còn lại. Đó cũng là một cách giải trừ sự áp đặt vô thức của diễn ngôn thống trị trong văn học. *Thứ hai*, khi chú trọng bối cảnh xã hội, ta thấy nhân vật bị chi phối bởi quan hệ bất bình đẳng về giới, kinh tế hay định chế truyền thống. Phương pháp luận ở đây đòi hỏi sự kết nối liên ngành: vận dụng lí thuyết văn chương, xã hội học, nghiên cứu giới... để phơi bày các cấu trúc vận hành đằng sau lời kể. Qua đó, tác phẩm tự sự được nhìn nhận như sản phẩm giao thoa giữa ý hệ và những ham muốn cá nhân chứ không đơn thuần là câu chuyện hư cấu. *Thứ ba*, góc nhìn đạo đức tự sự giúp nhà

phê bình vượt lên phán xét đơn lẻ về các nhân vật để thấy mọi hành vi cá nhân gắn với điều kiện lịch sử – xã hội. Việc kể tội hay bào chữa cho nhân vật trở thành vấn đề về nội dung tự sự lẫn cơ chế quyền lực ẩn trong cách dẫn dắt người đọc. Như vậy việc đọc tự sự trở thành đọc các tác động quyền lực đan xen vào sự trần thuật. Nhà phê bình không chỉ chăm chú vào tính mạch lạc cốt truyện hay tâm tư nhân vật bề nổi mà còn phải tìm hiểu cách diễn ngôn của người kể đã cấu trúc thực tại của văn bản tự sự và phán đoán đạo đức ra sao. Đọc tự sự theo hướng như thế đòi hỏi nhà phê bình biết hoài nghi lời kể, đặt nó trong tương quan với bối cảnh xã hội của văn bản để chủ thể nào được hưởng lợi, chủ thể nào bị áp chế.

3. Kết luận

Bài viết đã cho thấy *TTNNĐM* không đơn thuần là chuyện tình buồn giữa hai trí thức trẻ, mà là một phản đề của Lỗ Tấn về tình yêu, chung sống và tự do trong bối cảnh Trung Quốc hậu Ngũ Tứ. Dưới lăng kính xã hội và giới, Từ Quân và Quyên Sinh đều bị ảo tưởng cá nhân chủ nghĩa cùng ham muốn vượt thoát hệ giá trị cũ dẫn dắt, nhưng nhanh chóng chạm trán các cấu trúc kinh tế và trật tự gia trưởng khắc nghiệt. Cơ chế quyền lực vô hình vừa giam hãm Từ Quân vào vai nội trợ truyền thống, vừa trói buộc Quyên Sinh trong nỗi ám ảnh tự do tân thời mà không có giải pháp kinh tế – xã hội. *TTNNĐM* đã gợi ra một câu hỏi sâu sắc: khi các điều kiện khách quan chưa cho phép, liệu ước mơ vượt thoát và tự lực có dẫn đến hạnh phúc không hay chỉ là giấc mộng dễ tan vỡ? Đối chiếu với bối cảnh Việt Nam hiện nay, tư tưởng về tự do cá nhân, nếu tách rời thực tiễn và bỏ qua các vấn đề hệ thống, có thể đẩy người ta vào những bi kịch vong thân tương tự. Chính ở điểm này, *TTNNĐM* tỏ ra là một tác phẩm liên thời đại, góp tiếng nói cảnh tỉnh về ý niệm tự do khi các cấu trúc kinh tế – xã hội bất bình đẳng chưa được tháo gỡ tận căn. Chúng tôi cũng nhấn mạnh rằng diễn ngôn trần thuật của Quyên Sinh không trung tính: anh kể theo góc nhìn nam quyền, che lấp và bóp méo một Từ Quân bị bào mòn bởi áp lực xã hội và thiếu vắng sự chăm sóc thể lý lẫn tinh thần. Đây là lí do có thể khẳng định rằng *TTNNĐM* là một truyện kể *chống lại chính nó*: người kể trong vô thức tự phơi bày cấu trúc quyền lực chi phối lời kể của mình. Từ đó, bài viết gợi mở cách đọc tập trung vào các cấu trúc quyền lực và đạo đức tự sự: thay vì chỉ xem xét cái được kể, cần truy xét ai kể về ai từ vị thế nào và sự kể phơi bày các quan hệ giới bất bình đẳng cùng các khung kinh tế - xã hội đằng sau hành động của nhân vật ra sao.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Booth, W. C. (1988). *The company we keep: An ethics of fiction*. University of California Press.
- Lanser, S. S. (1992). *Fictions of authority: Women writers and narrative voice*. Cornell University Press.
- Lo, T. (1998). *Tạp văn [Miscellaneous writings]* (introduced and translated by Truong Chinh). Vietnam Education Publishing House.
- Lo, T. (2001). *Tiếc thương những ngày đã mất [Regret for the past]* (translated by Truong Chinh). In Tran L. B. (Ed.), *Lỗ Tấn: Thân thế – Sự nghiệp – Những sáng tác tiêu biểu [Lu Xun: Life – Career – Notable works]* (pp.373-402). Culture – Information Publishing House.
- Newton, A. Z. (1997). *Narrative ethics* (2nd printing). Harvard University Press. [Original work published 1995]
- Nguyen, T. M. C. (2011). Một phương thức tự sự đặc sắc trong truyện ngắn *Tiếc thương những ngày đã mất* của Lỗ Tấn [A distinctive narrative mode in the short story *Regret for the Past* by Lu Xun], *HNUE Journal of Science: Social Science*, 56(2), 46-52.
- Tran, L. H. T. (2009a, Jan 16). Từ Ngôi nhà búp bê của H. Ibsen đến *Tiếc thương những ngày đã mất* của Lỗ Tấn [From H. Ibsen's *A Doll's House* to Lu Xun's *Regret for the Past*]. Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HMC. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/van-hoc-nuoc-ngoai-va-van-hoc-so-sanh/111-t-ngoi-nha-bup-be-ca-h-ibsen-n-tic-thng-nhng-ngay-a-mt-ca-l-tn.html>
- Tran, L. H. T. (2009b, May 9). *Nhân vật nữ trung tâm và những chấn thương tinh thần trong truyện ngắn Lỗ Tấn [Central female characters and psychological traumas in Lu Xun's short stories]*. Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HMC. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/van-hoc-nuoc-ngoai-va-van-hoc-so-sanh/370-nhan-vt-n-trung-tam-va-nhng-chn-thng-tinh-thn-trong-truyn-ngn-l-tn.html>

**LOVE, COHABITATION, AND FREEDOM IN MODERN SOCIETY:
A READING OF LU XUN'S REGRET FOR THE PAST**

Nguyen Minh Nhat Nam

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Minh Nhat Nam – Email: nhnam.ng@gmail.com

Received: March 05, 2025; Revised: March 24, 2025; Accepted: December 22, 2025

ABSTRACT

Lu Xun's Regret for the Past, on its surface level, appears to be a romance of two young Chinese intellectuals in the 1920s. This article argues, however, that the story offers a counter-proposition regarding love, cohabitation, and freedom in post-May Fourth China. By employing textual analysis combined with social and gender perspectives, the article examines two characters, Zijun and Juansheng, uncovering systemic forces behind their actions, such as patriarchy, urban economic pressures, and illusions of freedom. The analysis reveals that their disillusionment and alienation stem from the inevitable logic of modern Chinese conditions. The article also demonstrates that Regret for the Past shares in Lu Xun's broader critique of social realities. Finally, it concludes by proposing a way to read how socio-economic power structures and narrative ethics operate within narrative texts.

Keywords: Lu Xun; narrative ethics; Post-May Fourth China; *Regret for the Past*